ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 48/2017/TB-LPQT ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào"

(Tiếp theo Công báo số 1021 + 1022)

PHỤ LỤC 2

Đính kèm

NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VÀ MỐC QUỐC GIỚI GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC QUỐC GIỚI

TẬP 2

TỪ MỐC GIỚI SỐ 403 ĐẾN MỐC GIỚI SỐ 792

ỦY BAN LIÊN HỢP CẮM MỐC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO
NĂM 2016

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 457

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
662,06</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 457 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 065 206,99
516 101,30</td><td rowspan="2">18°40'40,821"
105°09'09,685"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
660,86</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 456 đến mốc giới số 457 là 119°04'50"; khoảng cách là 2212,71m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 457 đến mốc giới số 458 là 143°40'56"; khoảng cách là 2851,44m</td><td colspan="3"> 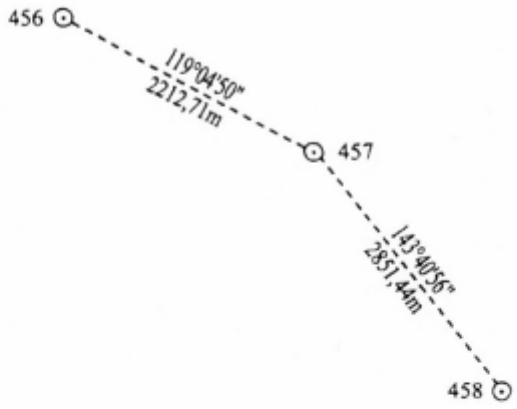
</td></tr>
</table>

78

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 458

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
711,74</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 458 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 062 909,46
517 790,10</td><td rowspan="2">18°39'26,017"
105°10'07,265"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
710,54</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 457 đến mốc giới số 458 là 143°40'56"; khoảng cách là 2851,44m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 458 đến mốc giới số 459 là 109°39'47"; khoảng cách là 2983,66m.</td><td colspan="3"> 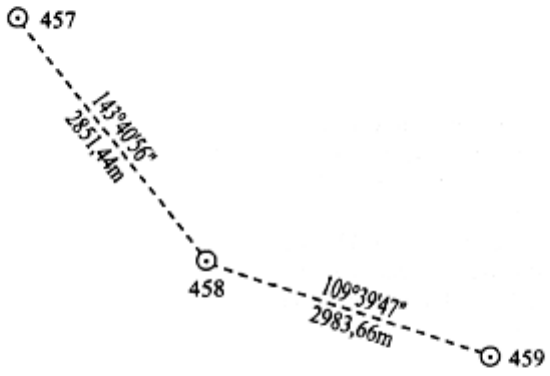
</td></tr>
</table>

79

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 459

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
776,45</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 459 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 061 905,49
520 599,77</td><td rowspan="2">18°38'53,259"
105°11'43,135"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
775,25</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 458 đến mốc giới số 459 là 109°39'47"; khoảng cách là 2983,66m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 459 đến cọc dấu số 459/1 là 187°07'57"; khoảng cách là 2890,79m.</td><td colspan="3"> 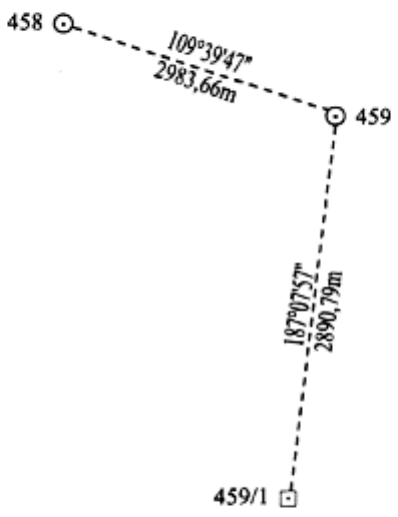
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 459/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 11 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
679,04</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 459/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 059 037,07
520 240,84</td><td rowspan="2">18°37'19,942"
105°11'30,779"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
678,04</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 459 đến cọc dấu số 459/1 là 187°07'57"; khoảng cách là 2890,79m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 459/1 đến mốc giới số 460 là 116°01'04"; khoảng cách là 47,76m.</td><td colspan="3"> 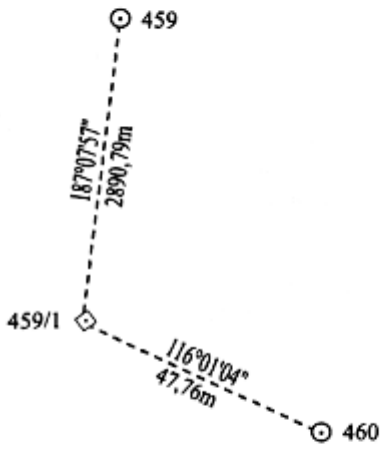
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 460

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc đại)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 6 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
666,56</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 460 cắm tại giao điểm giữa đường giao thông với đường biên giới, cửa khẩu Thanh Thủy (Việt Nam) - Nậm On (Lào).</td><td rowspan="2">2 059 016,12
520 283,76</td><td rowspan="2">18°37'19,259"
105°11'32,243"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
3,35</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
663,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 459/1 đến mốc giới số 460 là 116°01'04"; khoảng cách là 47,76m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 460 đến cọc dấu số 460/1 là 126°10'01"; khoảng cách là 54,94m.</td><td colspan="3"> 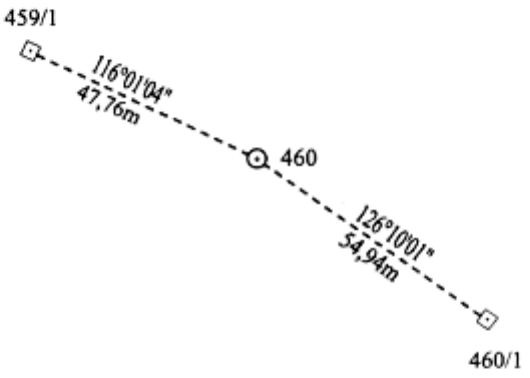
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 460/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 11 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
678,09</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 460/1 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 058 983,70
520 328,11</td><td rowspan="2">18°37'18,203"
105°11'33,756"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
677,09</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 460 đến cọc dấu số 460/1 là 126°10'01"; khoảng cách là 54,94m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 460/1 đến mốc giới số 461 là 128°54'08"; khoảng cách là 348,14m.</td><td colspan="3"> 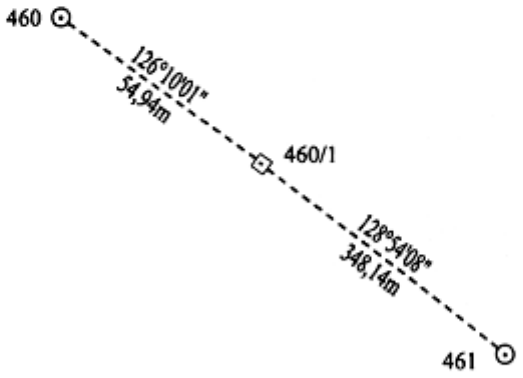
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 461

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
670,29</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 461 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 058 765,07
520 599,04</td><td rowspan="2">18°37'11,080"
105°11'42,993"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
668,79</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 460/1 đến mốc giới số 461 là 128°54'08"; khoảng cách là 348,14m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 461 đến mốc giới số 462 là 200°21'30"; khoảng cách là 2106,25m.</td><td colspan="3"> 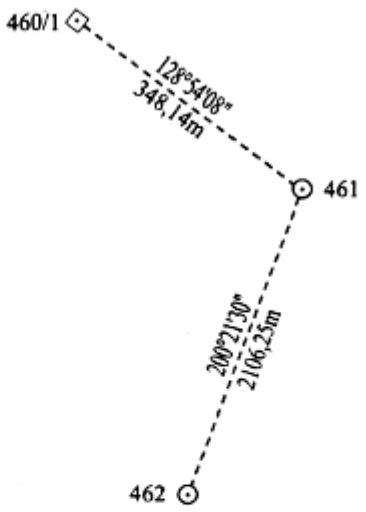
</td></tr>
</table>

84

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 462

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 4 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
867,16</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 462 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 056 790,39
519 866,30</td><td rowspan="2">18°36'06,855"
105°11'17,917"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
865,96</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 461 đến mốc giới số 462 là 200°21'30"; khoảng cách là 2106,25m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 462 đến cọc dấu số 462/1 là 292°59'58"; khoảng cách là 3064,32m.</td><td colspan="3"> 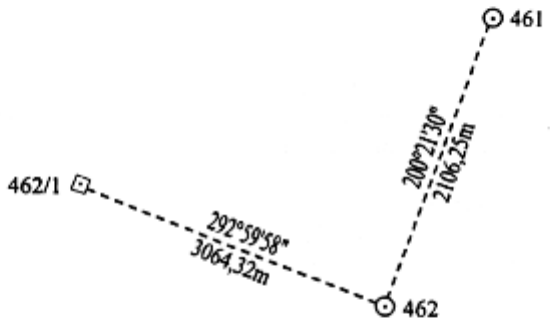
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 462/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 4 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
768,09</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 462/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 057 987,69
517 045,57</td><td rowspan="2">18°36'45,901"
105°09'41,699"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
767,09</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 462 đến cọc dấu số 462/1 là 292°59'58"; khoảng cách là 3064,32m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 462/1 đến cọc dấu số 462/2 là 272°58'54"; khoảng cách là 91,12m.</td><td colspan="3"> 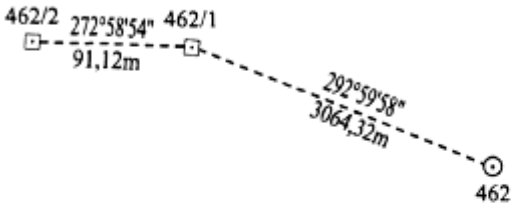
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 462/2

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 4 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
763,15</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 462/2 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 057 992,43
516 954,57</td><td rowspan="2">18°36'46,058"
105°09'38,594"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
762,15</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 462/1 đến cọc dấu số 462/2 là 272°58'54"; khoảng cách là 91,12m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 462/2 đến mốc giới số 463 là 298°25'52"; khoảng cách là 99,71m.</td><td colspan="3"> 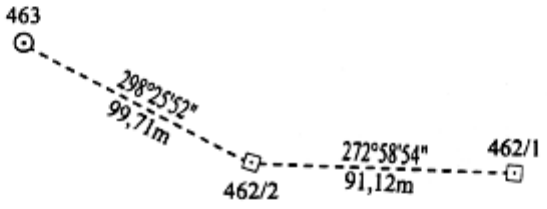
</td></tr>
</table>

87

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 463

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 8 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
804,37</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 463 cắm trên đỉnh núi Tóc Nạc Lẹc, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 058 039,90
516 866,89</td><td rowspan="2">18°36'47,605"
105°09'35,603"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
803,17</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 462/2 đến mốc giới số 463 là 298°25'52"; khoảng cách là 99,71m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 463 đến cọc dấu số 463/1 là 234°59'31"; khoảng cách là 178,58m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 463/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 4 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
756,77</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 463/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 057 937,45
516 720,62</td><td rowspan="2">18°36'44,276"
105°09'30,608"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
755,77</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 463 đến cọc dấu số 463/1 là 234°59'31"; khoảng cách là 178,58m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 463/1 đến cọc dấu số 463/2 là 205°39'37"; khoảng cách là 84,68m.</td><td colspan="3"> 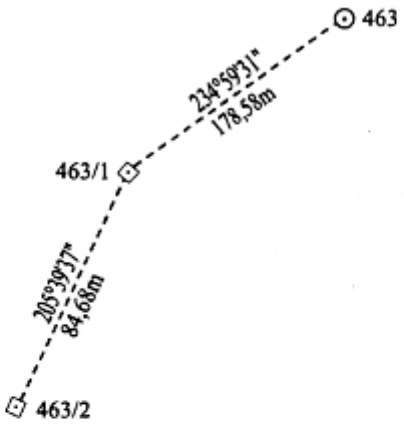
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 463/2

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 4 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
756,81</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 463/2 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 057 861,12
516 683,95</td><td rowspan="2">18°36'41,793"
105°09'29,354"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
755,81</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 463/1 đến cọc dấu số 463/2 là 205°39'37"; khoảng cách là 84,68m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 463/2 đến mốc giới số 464 là 224°14'01"; khoảng cách là 2231,64m.</td><td colspan="3"> 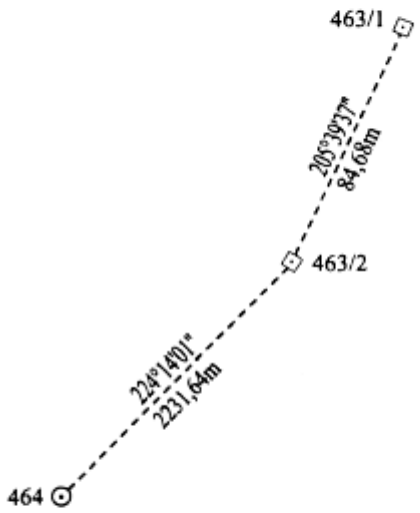
</td></tr>
</table>

90

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 464

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 9 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
778,45</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 464 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 056 262,14
515 127,19</td><td rowspan="2">18°35'49,810"
105°08'36,185"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
777,25</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 463/2 đến mốc giới số 464 là 224°14'01"; khoảng cách là 2231,64m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 464 đến cọc dấu số 464/1 là 240°09'27"; khoảng cách là 483,42m.</td><td colspan="3"> 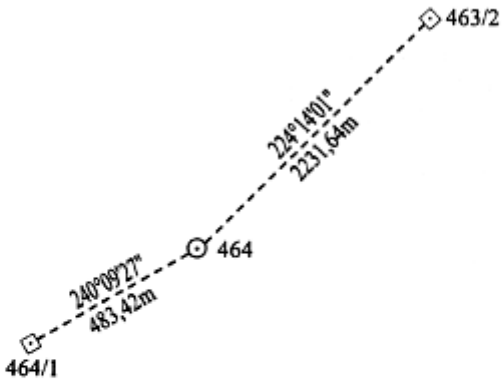
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 464/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 3 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
726,09</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 464/1 cắm trên yên ngựa, cạnh đường giao thông, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 056 021,58
514 707,87</td><td rowspan="2">18°35'41,993"
105°08'21,870"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
724,59</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 464 đến cọc dấu số 464/1 là 240°09'27"; khoảng cách là 483,42m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 464/1 đến mốc giới số 465 là 195°42'32"; khoảng cách là 1485,64m.</td><td colspan="3"> 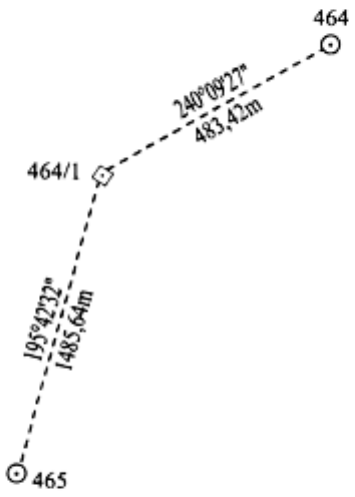
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 465

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 12 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
967,68</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 465 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 054 591,43
514 305,63</td><td rowspan="2">18°34'55,471"
105°08'08,108"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
966,48</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 464/1 đến mốc giới số 465 là 195°42'32"; khoảng cách là 1485,64m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 465 đến mốc giới số 466 là 167°36'28"; khoảng cách là 2246,27m.</td><td colspan="3"> 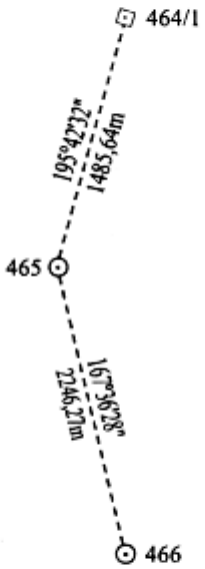
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 466

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 3 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1115,82</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 466 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 052 397,50
514 787,69</td><td rowspan="2">18°33'44,075"
105°08'24,498"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1114,32</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 465 đến mốc giới số 466 là 167°36'28"; khoảng cách là 2246,27m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 466 đến mốc giới số 467 là 224°43'24"; khoảng cách là 3612,82m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

94

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 467

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
946,39</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 467 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 049 830,54
512 245,41</td><td rowspan="2">18°32'20,612"
105°06'57,709"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
945,19</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 466 đến mốc giới số 467 là 224°43'24"; khoảng cách là 3612,82m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 467 đến mốc giới số 468 là 190°06'11"; khoảng cách là 3034,28m.</td><td colspan="3"> 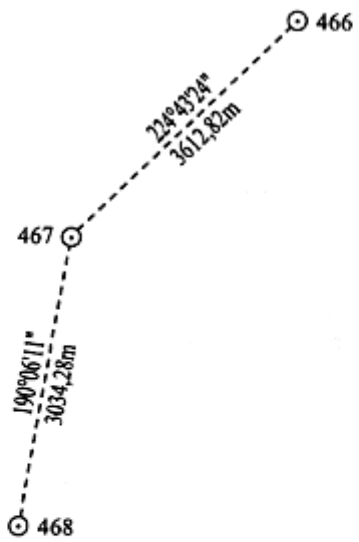
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 468

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1100,51</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 468 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 046 843,31
511 713,14</td><td rowspan="2">18°30'43,427"
105°06'39,490"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1099,31</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 467 đến mốc giới số 468 là 190°06'11"; khoảng cách là 3034,28m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 468 đến mốc giới số 469 là 172°00'44"; khoảng cách là 2211,53m.</td><td colspan="3"> 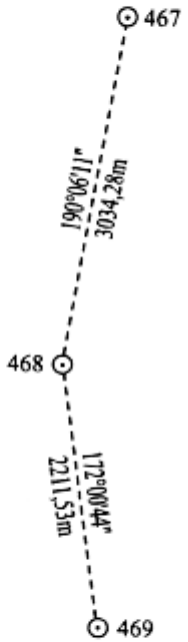
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 469

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1212,45</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 469 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 044 653,24
512 020,46</td><td rowspan="2">18°29'32,161"
105°06'49,924"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1211,25</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 468 đến mốc giới số 469 là 172°00'44"; khoảng cách là 2211,53m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 469 đến mốc giới số 470 là 200°30'35"; khoảng cách là 1959,34m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 470

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 3 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1246,90</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 470 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 042 818,10
511 333,97</td><td rowspan="2">18°28'32,464"
105°06'26,476"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1245,70</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 469 đến mốc giới số 470 là 200°30'35"; khoảng cách là 1959,34m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 470 đến mốc giới số 471 là 176°42'10"; khoảng cách là 2260,18m.</td><td colspan="3"> 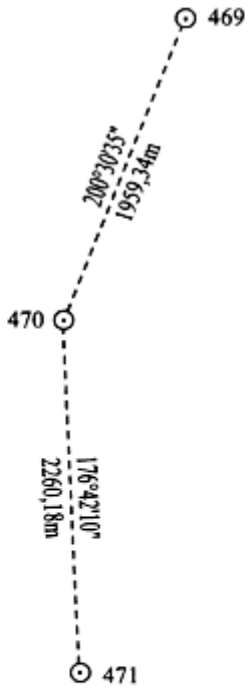
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 471

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 3 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1165,47</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 471 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 040 561,66
511 463,97</td><td rowspan="2">18°27'19,043"
105°06'30,863"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1164,27</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 470 đến mốc giới số 471 là 176°42'10"; khoảng cách là 2260,18m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 471 đến mốc giới số 472 là 160°20'33"; khoảng cách là 3550,67m.</td><td colspan="3"> 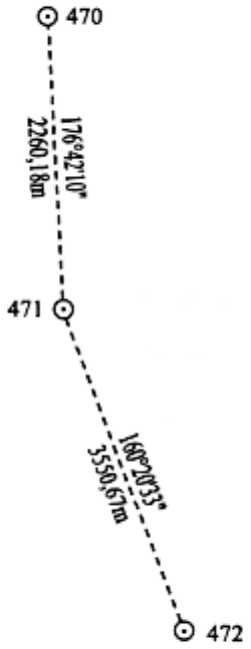
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 472

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
857,01</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 472 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 037 217,92
512 658,40</td><td rowspan="2">18°25'30,221"
105°07'11,511"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
855,51</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 471 đến mốc giới số 472 là 160°20'33"; khoảng cách là 3550,67m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 472 đến mốc giới số 473 là 105°09'15"; khoảng cách là 2246,69m.</td><td colspan="3"> 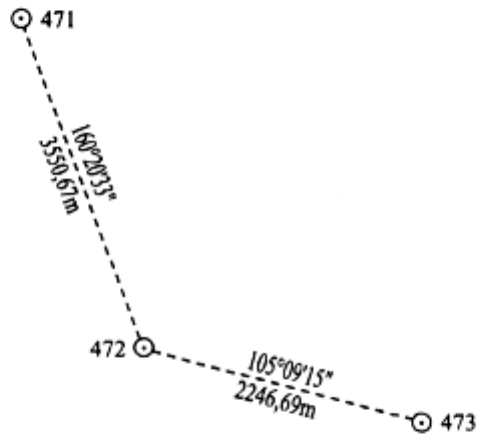
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 473

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1010,00</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 473 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 036 630,60
514 826,96</td><td rowspan="2">18°25'11,061"
105°08'25,420"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1008,80</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 472 đến mốc giới số 473 là 105°09'15"; khoảng cách là 2246,69m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 473 đến mốc giới số 474 là 157°39'21"; khoảng cách là 1920,43m.</td><td colspan="3"> 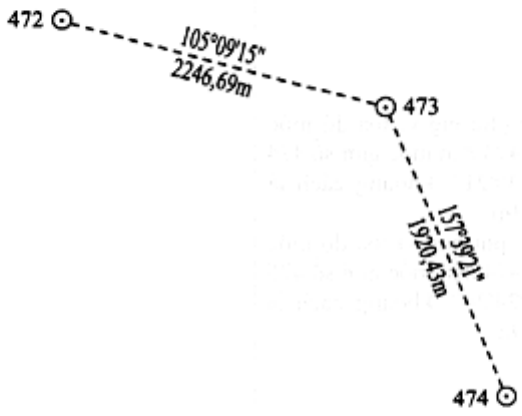
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 474

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 11 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
951,19</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 474 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 034 854,36
515 557,05</td><td rowspan="2">18°24'13,247"
105°08'50,258"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
949,99</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 473 đến mốc giới số 474 là 157°39'21"; khoảng cách là 1920,43m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 474 đến mốc giới số 475 là 168°24'24"; khoảng cách là 1663,59m.</td><td colspan="3"> 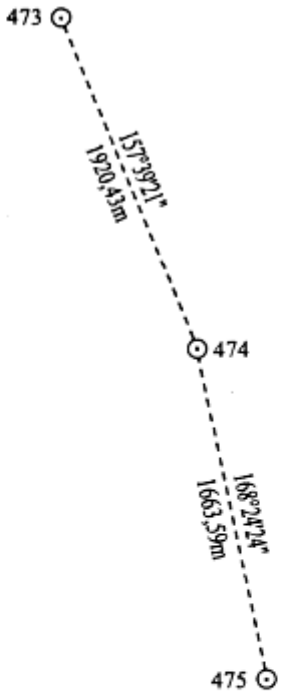
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 475

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 11 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
857,37</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 475 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 033 224,71
515 891,37</td><td rowspan="2">18°23'20,213"
105°09'01,607"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
856,17</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 474 đến mốc giới số 475 là 168°24'24"; khoảng cách là 1663,59m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 475 đến cọc dấu số 475/1 là 107°04'37"; khoảng cách là 872,31m.</td><td colspan="3"> 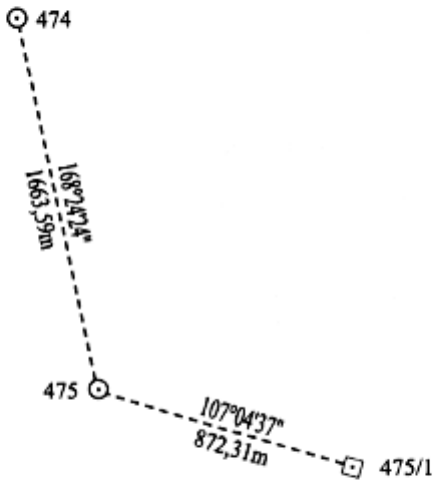
</td></tr>
</table>

103

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 475/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 4 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
787,70</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 475/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 032 968,55
516 725,22</td><td rowspan="2">18°23'11,856"
105°09'30,018"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
786,70</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 475 đến cọc dấu số 475/1 là 107°04'37"; khoảng cách là 872,31m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 475/1 đến mốc giới số 476 là 68°12'33"; khoảng cách là 101,23m.</td><td colspan="3"> 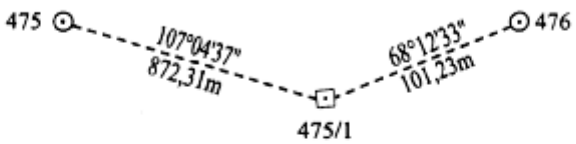
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 476

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc đại)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 7 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
733,28</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 476 cắm cạnh đường quốc lộ số 8, trên đường biên giới, cửa khẩu Cầu Treo (Việt Nam) - Nậm Phao (Lào).</td><td>2 033 006,13
516 819,22</td><td>18°23'13,076"
105°09'33,223"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
2,10

Độ cao mặt đất
(m)
731,18</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 475/1 đến mốc giới số 476 là 68°12'33"; khoảng cách là 101,23m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 476 đến cọc dấu số 476/1 là 91°09'06"; khoảng cách là 110,95m.</td><td colspan="3"> 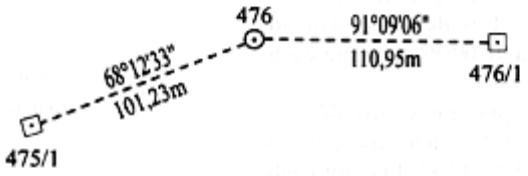
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 476/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 4 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
760,50</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 476/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 033 003,90
516 930,15</td><td rowspan="2">18°23'13,000"
105°09'37,003"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
759,50</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 476 đến cọc dấu số 476/1 là 91°09'06"; khoảng cách là 110,95m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 476/1 đến mốc giới số 477 là 82°13'27"; khoảng cách là 661,35m.</td><td colspan="3"> 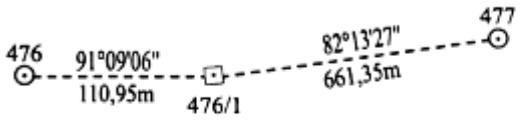
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 477

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
880,02</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 477 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 033 093,38
517 585,42</td><td rowspan="2">18°23'15,892"
105°09'59,339"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
878,82</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 476/1 đến mốc giới số 477 là 82°13'27"; khoảng cách là 661,35m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 477 đến mốc giới số 478 là 96°28'07"; khoảng cách là 1931,02m.</td><td colspan="3"> 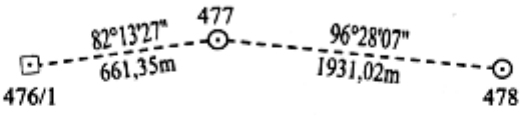
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 478

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 4 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1054,77</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 478 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 032 875,83
519 504,15</td><td rowspan="2">18°23'08,753"
105°11'04,724"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1053,57</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 477 đến mốc giới số 478 là 96°28'07"; khoảng cách là 1931,02m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 478 đến mốc giới số 479 là 197°16'11"; khoảng cách là 1924,46m.</td><td colspan="3"> 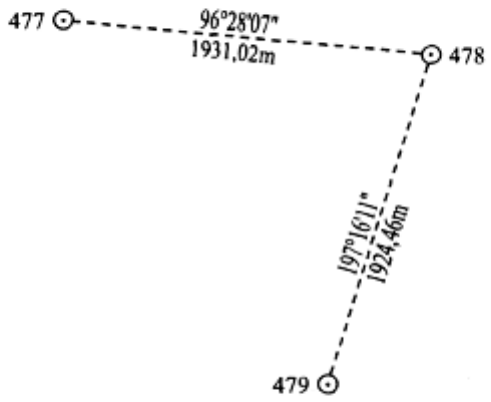
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 479

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 24 tháng 4 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
909,05</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 479 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 031 038,13
518 932,84</td><td rowspan="2">18°22'08,978"
105°10'45,192"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
907,85</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 478 đến mốc giới số 479 là 197°16'11"; khoảng cách là 1924,46m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 479 đến mốc giới số 480 là 155°07'33"; khoảng cách là 2777,64m.</td><td colspan="3"> 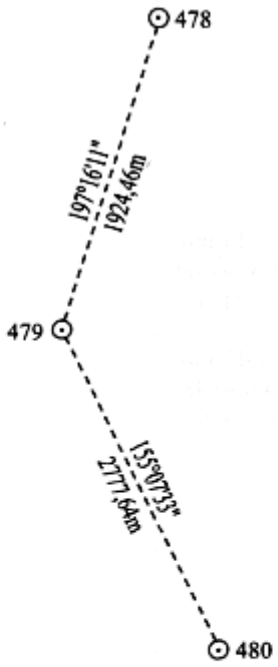
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 480

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1311,51</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 480 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 028 518,16
520 101,19</td><td rowspan="2">18°20'46,945"
105°11'24,916"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1310,31</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 479 đến mốc giới số 480 là 155°07'33"; khoảng cách là 2777,64m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 480 đến mốc giới số 481 là 194°33'33"; khoảng cách là 2454,54m.</td><td colspan="3"> 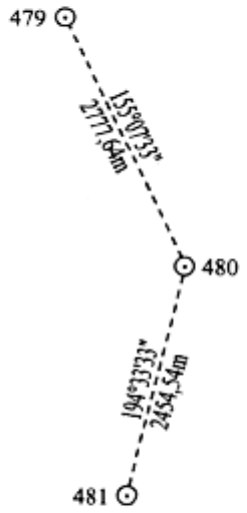
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 481

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1552,72</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 481 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 026 142,44
519 484,17</td><td rowspan="2">18°19'29,665"
105°11'03,811"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1551,22</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 480 đến mốc giới số 481 là 194°33'33"; khoảng cách là 2454,54m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 481 đến mốc giới số 482 là 123°44'08"; khoảng cách là 4193,95m.</td><td colspan="3"> 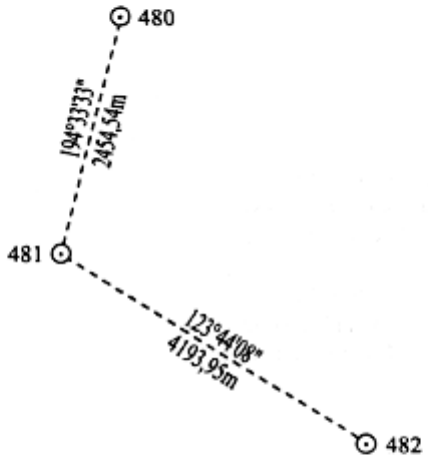
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 482

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 7 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1777,75</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 482 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 023 813,28
522 971,90</td><td rowspan="2">18°18'13,754"
105°13'02,540"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1776,55</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 481 đến mốc giới số 482 là 123°44'08"; khoảng cách là 4193,95m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 482 đến mốc giới số 483 là 107°05'10"; khoảng cách là 2843,96m.</td><td colspan="3"> 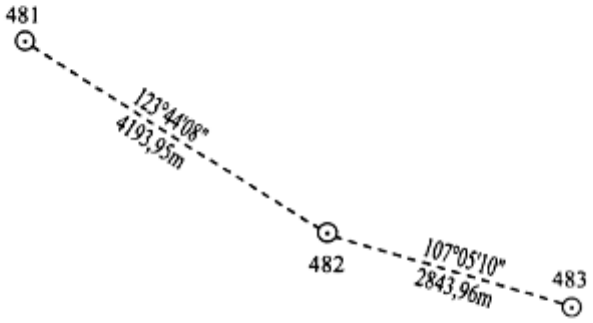
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 483

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1684,94</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 483 cắm trên đỉnh núi Hong Lêu, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 022 977,70
525 690,34</td><td rowspan="2">18°17'46,454"
105°14'35,105"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1683,74</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 482 đến mốc giới số 483 là 107°05'10"; khoảng cách là 2843,96m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 483 đến mốc giới số 484 là 161°09'30"; khoảng cách là 4359,10m.</td><td colspan="3"> 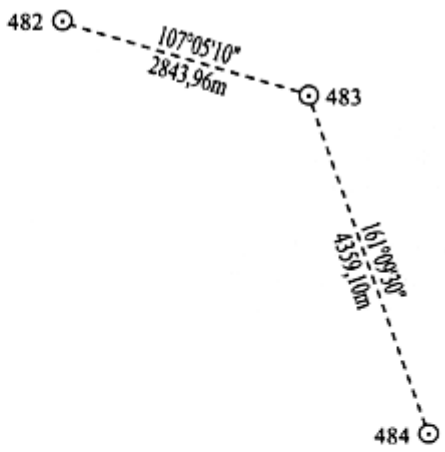
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 484

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 7 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1920,63</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 484 cắm trên sống núi Hồng Lền, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 018 852,18
527 098,13</td><td rowspan="2">18°15'32,156"
105°15'22,862"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1919,43</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 483 đến mốc giới số 484 là 161°09'30"; khoảng cách là 4359,10m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 484 đến mốc giới số 485 là 85°11'15"; khoảng cách là 2678,39m.</td><td colspan="3"> 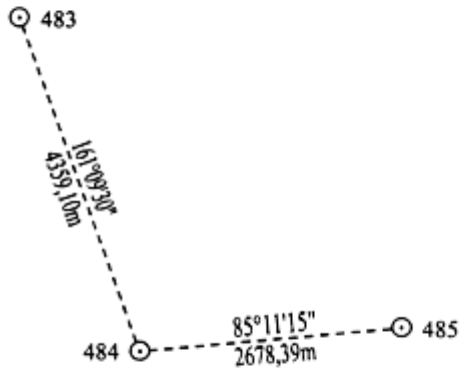
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 485

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 8 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1443,06</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 485 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 019 076,89
529 767,08</td><td rowspan="2">18°15'39,340"
105°16'53,768"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1441,86</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 484 đến mốc giới số 485 là 85°11'15"; khoảng cách là 2678,39m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 485 đến mốc giới số 486 là 111°22'00"; khoảng cách là 2012,76m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

115

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 486

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 9 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1437,63</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 486 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 018 343,57
531 641,50</td><td rowspan="2">18°15'15,383"
105°17'57,563"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1436,43</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 485 đến mốc giới số 486 là 111°22'00"; khoảng cách là 2012,76m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 486 đến mốc giới số 487 là 179°14'15"; khoảng cách là 1984,16m.</td><td colspan="3"> 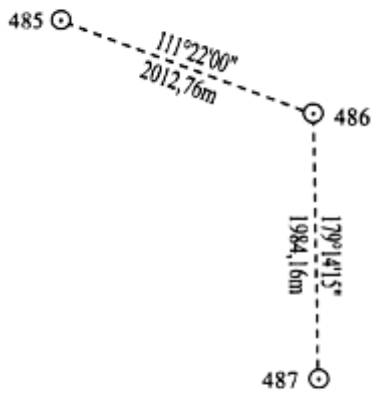
</td></tr>
</table>

116

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 487

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 10 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1692,10</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 487 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 016 359,59
531 667,90</td><td rowspan="2">18°14'10,827"
105°17'58,351"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1690,60</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 486 đến mốc giới số 487 là 179°14'15"; khoảng cách là 1984,16m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 487 đến mốc giới số 488 là 19°10'37"; khoảng cách là 3517,38m.</td><td colspan="3"> 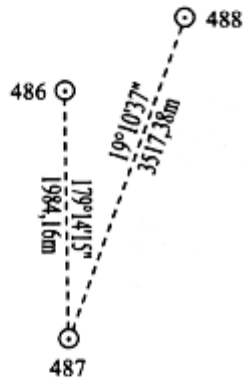
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 488

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 12 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1485,08</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 488 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 019 681,79
532 823,31</td><td rowspan="2">18°15'58,861"
105°18'37,886"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1483,88</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 487 đến mốc giới số 488 là 19°10'37"; khoảng cách là 3517,38m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 488 đến mốc giới số 489 là 95°35'20"; khoảng cách là 1908,78m.</td><td colspan="3"> 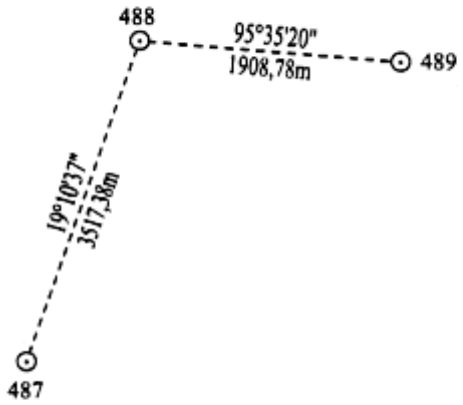
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 489

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 11 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1526,12</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 489 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 019 495,89
534 723,02</td><td rowspan="2">18°15'52,704"
105°19'42,574"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1524,92</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 488 đến mốc giới số 489 là 95°35'20"; khoảng cách là 1908,78m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 489 đến mốc giới số 490 là 184°49'49"; khoảng cách là 3488,83m.</td><td colspan="3"> 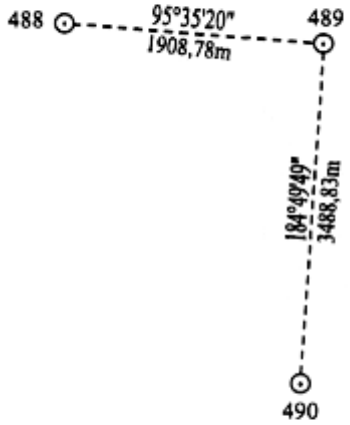
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 490

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 7 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1430,72</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 490 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 016 019,45
534 429,24</td><td rowspan="2">18°13'59,606"
105°19'32,358"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1429,52</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 489 đến mốc giới số 490 là 184°49'49"; khoảng cách là 3488,83m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 490 đến mốc giới số 491 là 189°21'04"; khoảng cách là 3675,96m.</td><td colspan="3"> 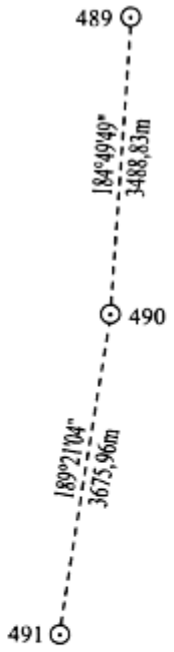
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 491

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 7 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1276,07</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 491 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 012 392,34
533 831,96</td><td rowspan="2">18°12'01,622"
105°19'11,805"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1274,87</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 490 đến mốc giới số 491 là 189°21'04"; khoảng cách là 3675,96m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 491 đến mốc giới số 492 là 118°26'16"; khoảng cách là 2143,91m.</td><td colspan="3"> 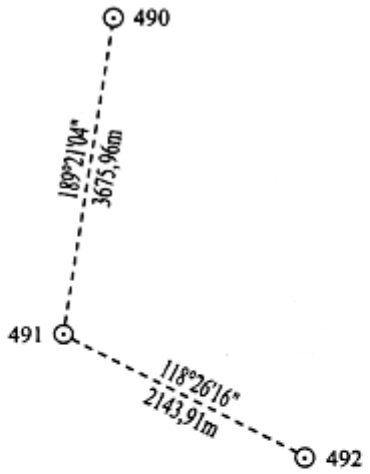
</td></tr>
</table>

121

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 492

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 8 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1685,82</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 492 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 011 371,40
535 717,17</td><td rowspan="2">18°11'28,293"
105°20'15,921"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1684,32</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 491 đến mốc giới số 492 là 118°26'16"; khoảng cách là 2143,91m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 492 đến mốc giới số 493 là 118°25'54"; khoảng cách là 1623,69m.</td><td colspan="3"> 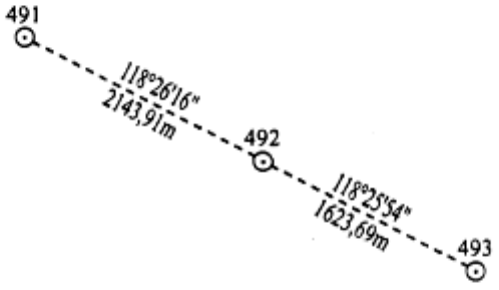
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 493

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 8 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1766,03</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 493 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 010 598,34
537 145,02</td><td rowspan="2">18°11'03,052"
105°21'04,479"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1764,83</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 492 đến mốc giới số 493 là 118°25'54"; khoảng cách là 1623,69m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 493 đến mốc giới số 494 là 146°26'12"; khoảng cách là 3073,67m.</td><td colspan="3"> 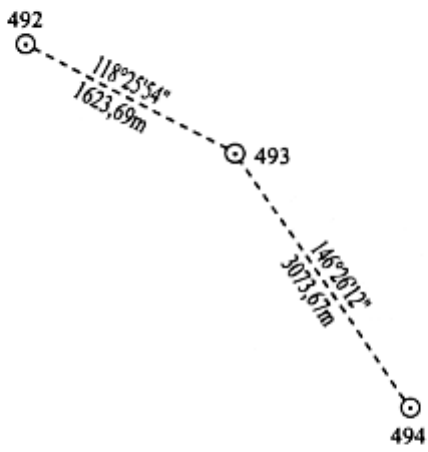
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 494

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 8 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1598,20</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 494 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 008 037,13
538 844,33</td><td rowspan="2">18°09'39,607"
105°22'02,151"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1597,00</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 493 đến mốc giới số 494 là 146°26'12"; khoảng cách là 3073,67m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 494 đến mốc giới số 495 là 59°27'37"; khoảng cách là 2037,41m.</td><td colspan="3"> 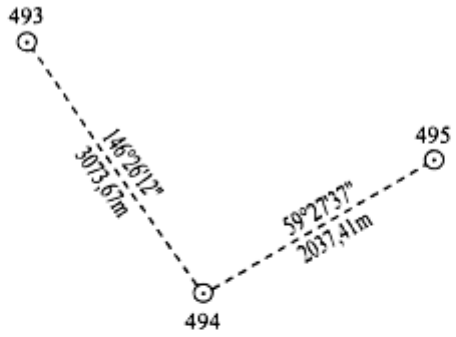
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 495

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1893,86</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 495 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 009 072,41
540 599,11</td><td rowspan="2">18°10'13,176"
105°23'01,951"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1892,66</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 494 đến mốc giới số 495 là 59°27'37"; khoảng cách là 2037,41m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 495 đến mốc giới số 496 là 123°51'41"; khoảng cách là 3300,31m.</td><td colspan="3"> 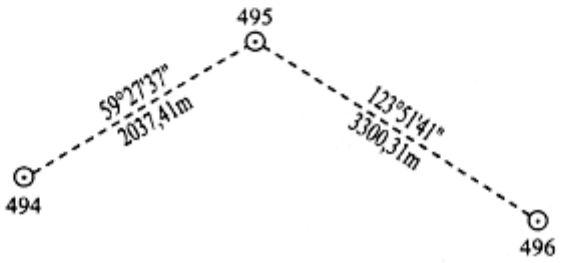
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 496

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 9 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
2242,71</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 496 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 007 233,52
543 339,65</td><td rowspan="2">18°09'13,150"
105°24'35,095"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
2241,51</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 495 đến mốc giới số 496 là 123°51'41"; khoảng cách là 3300,31m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 496 đến mốc giới số 497 là 20°51'04"; khoảng cách là 3604,61m.</td><td colspan="3"> 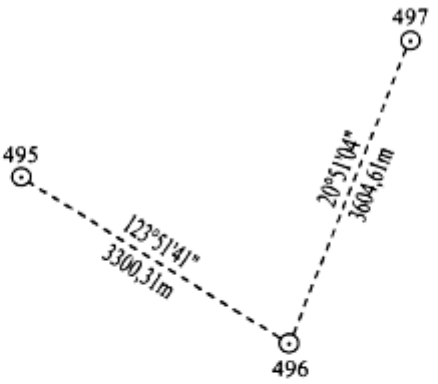
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 497

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 9 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1873,61</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 497 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 010 602,06
544 622,68</td><td rowspan="2">18°11'02,660"
105°25'19,027"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1872,41</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 496 đến mốc giới số 497 là 20°51'04"; khoảng cách là 3604,61m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 497 đến mốc giới số 498 là 70°17'32"; khoảng cách là 2642,20m.</td><td colspan="3"> 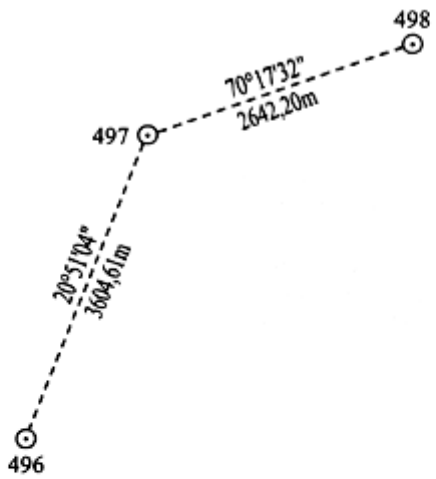
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 498

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1306,22</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 498 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 011 493,07
547 110,11</td><td rowspan="2">18°11'31,461"
105°26'43,775"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1304,72</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 497 đến mốc giới số 498 là 70°17'32"; khoảng cách là 2642,20m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 498 đến mốc giới số 499 là 354°14'43"; khoảng cách là 1378,68m.</td><td colspan="3"> 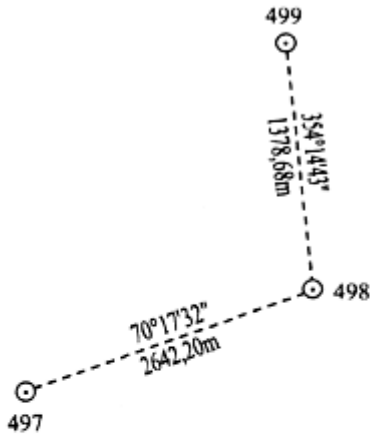
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 499

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1471,47</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 499 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 012 864,80
546 971,87</td><td rowspan="2">18°12'16,104"
105°26'39,182"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1470,27</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 498 đến mốc giới số 499 là 354°14'43"; khoảng cách là 1378,68m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 499 đến mốc giới số 500 là 103°55'30"; khoảng cách là 1141,83m.</td><td colspan="3"> 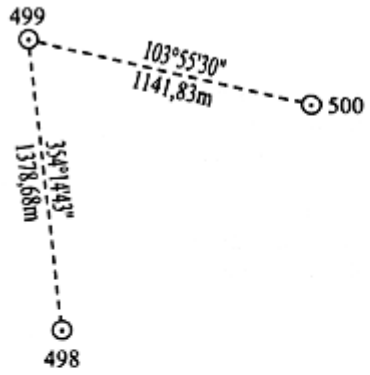
</td></tr>
</table>

129

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 500

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1289,13</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 500 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 012 590,02
548 080,14</td><td rowspan="2">18°12'07,075"
105°27'16,889"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1287,93</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 499 đến mốc giới số 500 là 103°55'30"; khoảng cách là 1141,83m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 500 đến mốc giới số 501 là 89°11'04"; khoảng cách là 3838,38m.</td><td colspan="3"> 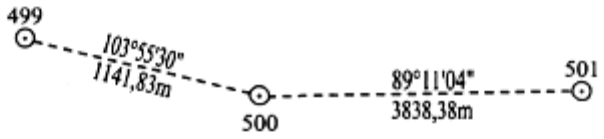
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 501

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 01 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1353,74</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 501 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 012 644,66
551 918,13</td><td rowspan="2">18°12'08,531"
105°29'27,555"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1352,54</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 500 đến mốc giới số 501 là 89°11'04"; khoảng cách là 3838,38m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 501 đến mốc giới số 502 là 183°38'11"; khoảng cách là 2917,89m.</td><td colspan="3"> 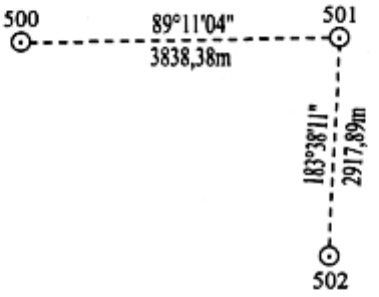
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 502

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 01 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1413,68</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 502 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 009 732,64
551 733,07</td><td rowspan="2">18°10'33,798"
105°29'20,991"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1412,18</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 501 đến mốc giới số 502 là 183°38'11"; khoảng cách là 2917,89m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 502 đến mốc giới số 503 là 37°04'30"; khoảng cách là 1791,94m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 503

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 7 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1310,29</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 503 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 011 162,33
552 813,36</td><td rowspan="2">18°11'20,221"
105°29'57,895"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1309,09</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 502 đến mốc giới số 503 là 37°04'30"; khoảng cách là 1791,94m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 503 đến mốc giới số 504 là 163°34'53"; khoảng cách là 1886,79m.</td><td colspan="3"> 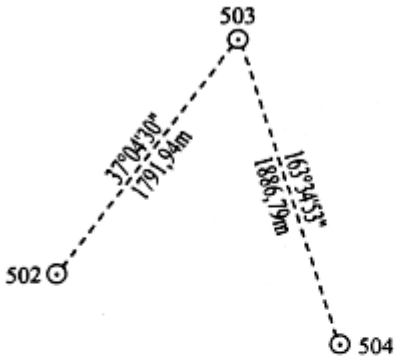
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 504

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 7 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1330,26</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 504 cắm trên sống núi Hào, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 009 352,48
553 346,67</td><td rowspan="2">18°10'21,286"
105°30'15,881"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1329,06</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 503 đến mốc giới số 504 là 163°34'53"; khoảng cách là 1886,79m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 504 đến mốc giới số 505 là 162°30'31"; khoảng cách là 2309,75m.</td><td colspan="3"> 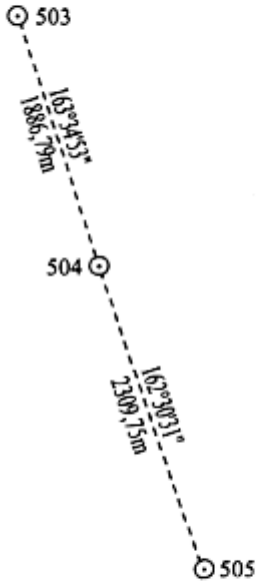
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 505

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 7 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1346,25</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 505 cắm trên đỉnh núi Đà Lai, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 007 149,53
554 040,89</td><td rowspan="2">18°09'09,546"
105°30'39,302"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1345,05</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 504 đến mốc giới số 505 là 162°30'31"; khoảng cách là 2309,75m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 505 đến mốc giới số 506 là 179°10'12"; khoảng cách là 3679,66m.</td><td colspan="3"> 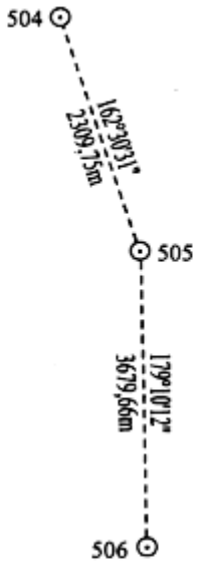
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 506

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1302,46</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 506 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 003 470,26
554 094,20</td><td rowspan="2">18°07'09,827"
105°30'40,768"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1300,96</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 505 đến mốc giới số 506 là 179°10'12"; khoảng cách là 3679,66m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 506 đến mốc giới số 507 là 97°46'50"; khoảng cách là 2258,62m.</td><td colspan="3"> 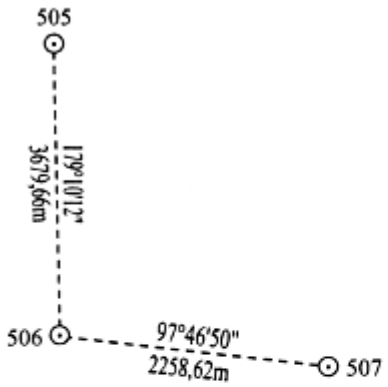
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 507

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 9 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1085,52</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 507 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 003 164,49
556 332,03</td><td rowspan="2">18°06'59,672"
105°31'56,887"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1084,32</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 506 đến mốc giới số 507 là 97°46'50"; khoảng cách là 2258,62m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 507 đến mốc giới số 508 là 167°30'03"; khoảng cách là 3858,93m.</td><td colspan="3"> 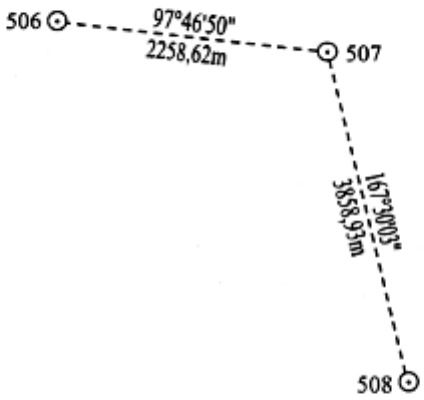
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 508

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 24 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1407,84</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 508 cắm trên sống núi Giăng Màn, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 999 397,02
557 167,21</td><td rowspan="2">18°04'57,010"
105°32'24,930"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1406,64</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 507 đến mốc giới số 508 là 167°30'03"; khoảng cách là 3858,93m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 508 đến mốc giới số 509 là 82°21'25"; khoảng cách là 3041,82m.</td><td colspan="3"> 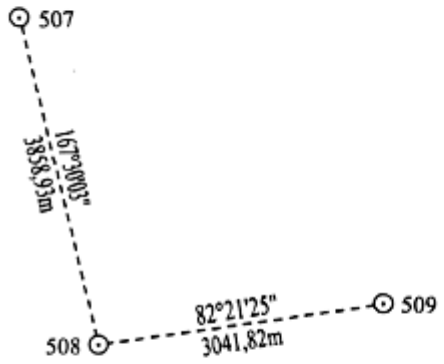
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 509

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1118,50</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 509 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 999 801,59
560 182,01</td><td rowspan="2">18°05'09,879"
105°34'07,538"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1117,00</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 508 đến mốc giới số 509 là 82°21'25"; khoảng cách là 3041,82m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 509 đến mốc giới số 510 là 166°37'49"; khoảng cách là 2748,15m.</td><td colspan="3"> 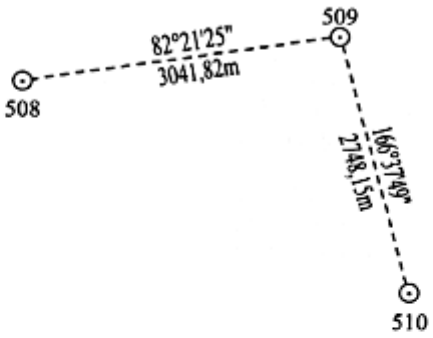
</td></tr>
</table>

139

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 510

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1143,61</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 510 cắm trên đỉnh núi Giăng Màn Nam, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 997 127,92
560 817,48</td><td rowspan="2">18°03'42,821"
105°34'28,875"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1142,41</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 509 đến mốc giới số 510 là 166°37'49"; khoảng cách là 2748,15m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 510 đến mốc giới số 511 là 157°05'32"; khoảng cách là 2752,64m.</td><td colspan="3"> 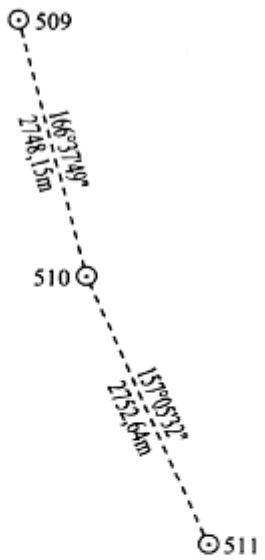
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 511

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 4 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
865,88</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 511 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 994 592,37
561 888,94</td><td rowspan="2">18°02'20,212"
105°35'05,049"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
864,68</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 510 đến mốc giới số 511 là 157°05'32"; khoảng cách là 2752,64m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 511 đến cọc dấu số 511/1 là 180°26'38"; khoảng cách là 3126,63m.</td><td colspan="3"> 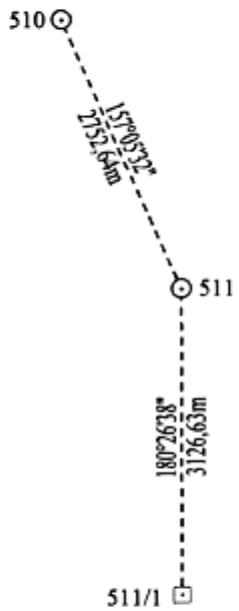
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 511/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 7 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
744,11</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 511/1 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 991 465,83
561 864,70</td><td rowspan="2">18°00'38,485"
105°35'03,889"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
742,61</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 511 đến cọc dấu số 511/1 là 180°26'38"; khoảng cách là 3126,63m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 511/1 đến mốc giới số 512 là 73°36'18"; khoảng cách là 269,61m.</td><td colspan="3"> 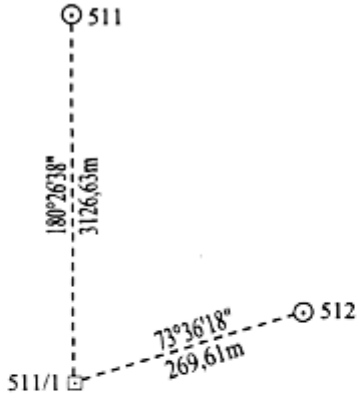
</td></tr>
</table>

142

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 512

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 4 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
759,97</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 512 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 991 541,93
562 123,35</td><td rowspan="2">18°00'40,935"
105°35'12,693"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
758,47</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 511/1 đến mốc giới số 512 là 73°36'18"; khoảng cách là 269,61m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 512 đến mốc giới số 513 là 129°18'25"; khoảng cách là 1622,50m.</td><td colspan="3"> 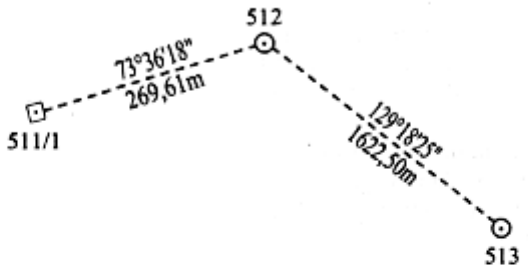
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 513

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 10 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
828,76</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 513 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 990 514,12
563 378,78</td><td rowspan="2">18°00'07,362"
105°35'55,273"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>.Độ cao mặt đất
(m)
827,56</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 512 đến mốc giới số 513 là 129°18'25"; khoảng cách là 1622,50m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 513 đến mốc giới số 514 là 56°02'46"; khoảng cách là 1918,05m.</td><td colspan="3"> 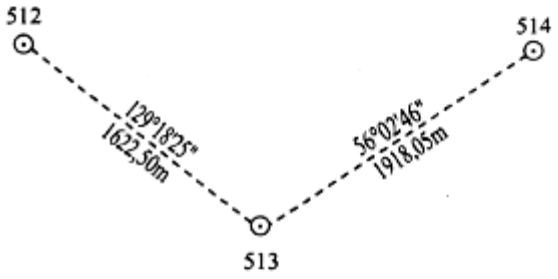
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 514

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 10 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1104,25</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 514 cắm trên đỉnh núi Ông Giao, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 991 585,40
564 969,78</td><td rowspan="2">18°00'42,048"
105°36'49,495"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1103,05</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 513 đến mốc giới số 514 là 56°02'46"; khoảng cách là 1918,05m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 514 đến mốc giới số 515 là 123°28'11"; khoảng cách là 3789,75m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 515

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
897,88</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 515 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 989 495,37
568 131,10</td><td rowspan="2">17°59'33,696"
105°38'36,754"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
896,38</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 514 đến mốc giới số 515 là 123°28'11"; khoảng cách là 3789,75m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 515 đến mốc giới số 516 là 183°20'10"; khoảng cách là 3558,79m.</td><td colspan="3"> 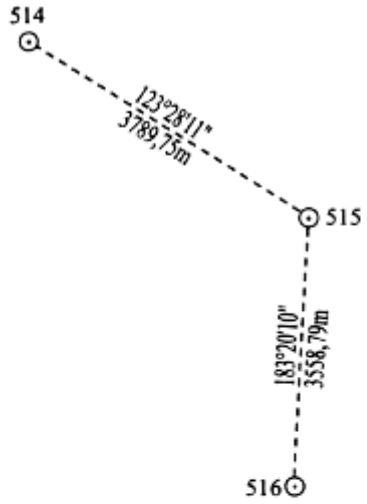
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 516

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
968,44</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 516 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 985 942,61
567 924,00</td><td rowspan="2">17°57'38,123"
105°38'29,295"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
967,24</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 515 đến mốc giới số 516 là 183°20'10"; khoảng cách là 3558,79m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 516 đến mốc giới số 517 là 223°24'14"; khoảng cách là 2848,08m.</td><td colspan="3"> 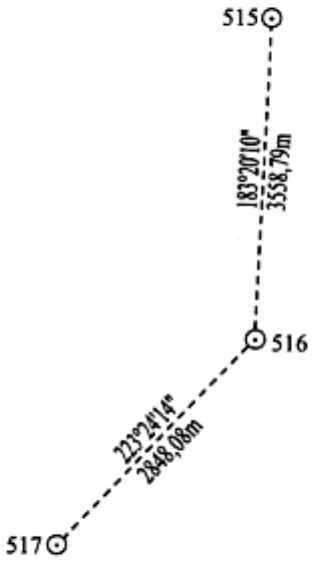
</td></tr>
</table>

147

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 517

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
943,43</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 517 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 983 873,40
565 966,98</td><td rowspan="2">17°56'31,013"
105°37'22,527"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
942,23</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 516 đến mốc giới số 517 là 223°24'14"; khoảng cách là 2848,08m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 517 đến mốc giới số 518 là 188°26'42"; khoảng cách là 4209,56m.</td><td colspan="3"> 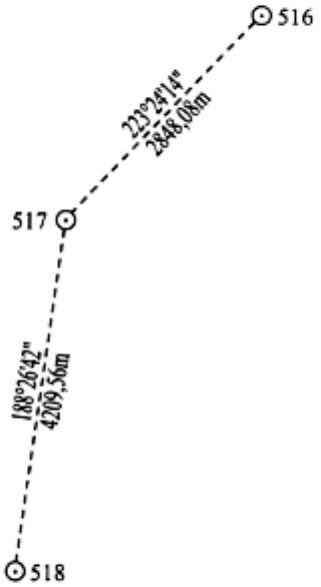
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 518

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1052,92</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 518 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 979 709,48
565 348,76</td><td rowspan="2">17°54'15,597"
105°37'01,042"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1051,72</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 517 đến mốc giới số 518 là 188°26'42"; khoảng cách là 4209,56m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 518 đến mốc giới số 519 là 198°13'31"; khoảng cách là 1976,29m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 519

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1119,42</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 519 cắm trên đỉnh núi Lo Ri, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 977 832,33
564 730,67</td><td rowspan="2">17°53'14,585"
105°36'39,827"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1118,22</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 518 đến mốc giới số 519 là 198°13'31"; khoảng cách là 1976,29m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 519 đến mốc giới số 520 là 126°24'39"; khoảng cách là 2066,77m.</td><td colspan="3"> 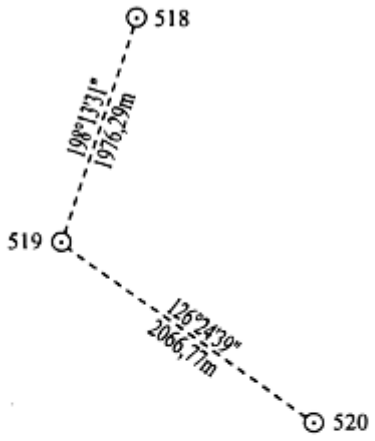
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 520

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
851,42</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 520 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 976 605,56
566 393,97</td><td rowspan="2">17°52'34,490"
105°37'36,211"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
850,22</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 519 đến mốc giới số 520 là 126°24'39"; khoảng cách là 2066,77m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 520 đến mốc giới số 521 là 130°18'38"; khoảng cách là 3582,90m.</td><td colspan="3"> 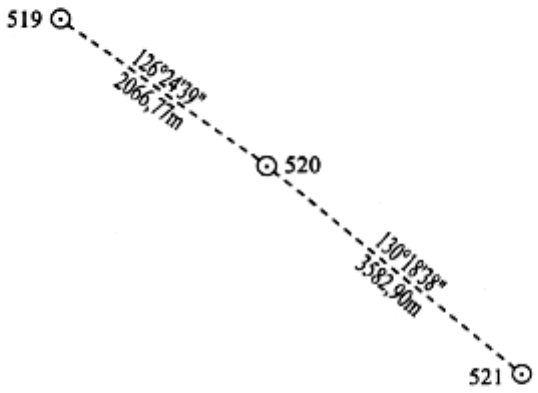
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 521

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
863,21</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 521 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 974 287,68
569 126,11</td><td rowspan="2">17°51'18,767"
105°39'08,775"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
861,71</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 520 đến mốc giới số 521 là 130°18'38"; khoảng cách là 3582,90m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 521 đến mốc giới số 522 là 159°19'07"; khoảng cách là 7232,26m.</td><td colspan="3"> 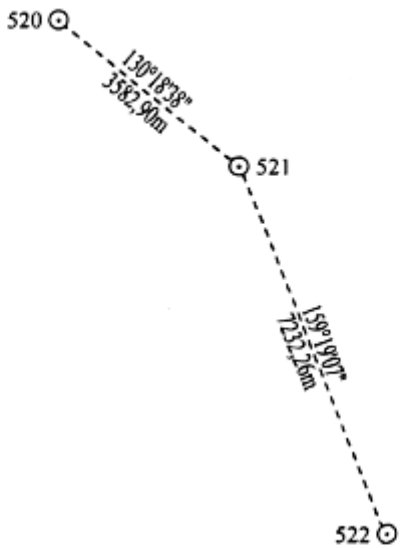
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 522

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 01 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1754,68</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 522 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 967 521,47
571 680,33</td><td rowspan="2">17°47'38,317"
105°40'34,727"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1753,48</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 521 đến mốc giới số 522 là 159°19'07"; khoảng cách là 7232,26m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 522 đến mốc giới số 523 là 137°39'47"; khoảng cách là 5674,28m.</td><td colspan="3"> 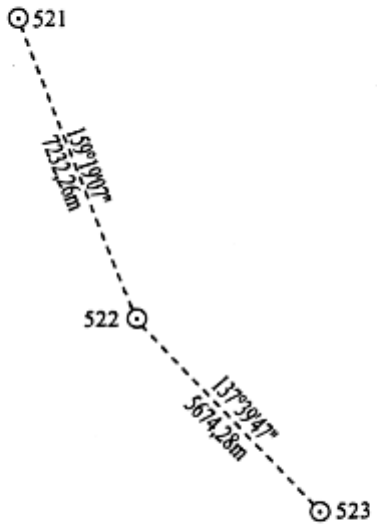
</td></tr>
</table>

153

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 523

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1331,99</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 523 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 963 327,05
575 501,89</td><td rowspan="2">17°45'21,381"
105°42'43,984"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1330,79</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 522 đến mốc giới số 523 là 137°39'47"; khoảng cách là 5674,28m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 523 đến mốc giới số 524 là 137°48'58"; khoảng cách là 4947,51m.</td><td colspan="3"> 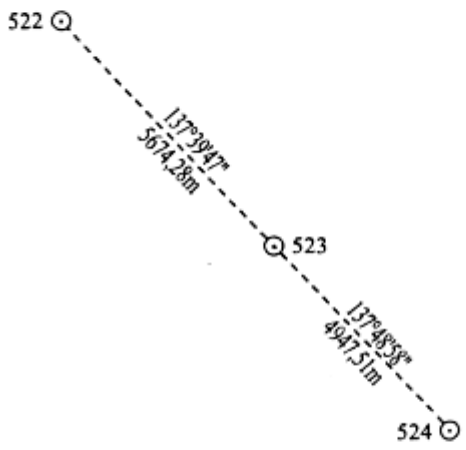
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 524

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1129,17</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 524 cắm trên đỉnh núi Ca Ay, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 959 660,97
578 824,20</td><td rowspan="2">17°43'21,678"
105°44'36,308"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1127,67</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 523 đến mốc giới số 524 là 137°48'58"; khoảng cách là 4947,51m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 524 đến mốc giới số 525 là 171°51'45"; khoảng cách là 3612,90m.</td><td colspan="3"> 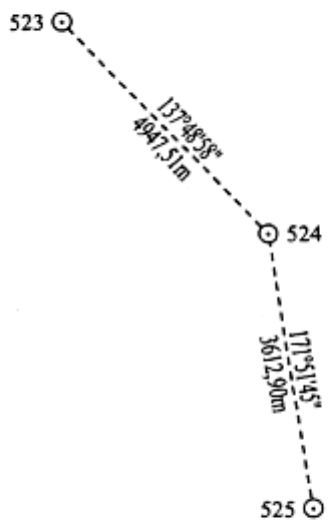
</td></tr>
</table>

155

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 525

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1114,17</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 525 cắm trên sống núi thuộc dãy Giăng Màn (dãy núi AK), trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 956 084,45
579 335,61</td><td rowspan="2">17°41'25,242"
105°44'53,189"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1112,97</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 524 đến mốc giới số 525 là 171°51'45"; khoảng cách là 3612,90m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 525 đến mốc giới số 526 là 172°11'03"; khoảng cách là 2459,92m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 526

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 3 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1018,61</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 526 cắm trên sống núi thuộc dãy Giăng Màn (dãy núi AK), nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 953 647,38
579 670,13</td><td rowspan="2">17°40'05,903"
105°45'04,215"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1017,11</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 525 đến mốc giới số 526 là 172°11'03"; khoảng cách là 2459,92m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 526 đến mốc giới số 527 là 94°36'54"; khoảng cách là 1263,35m.</td><td colspan="3"> 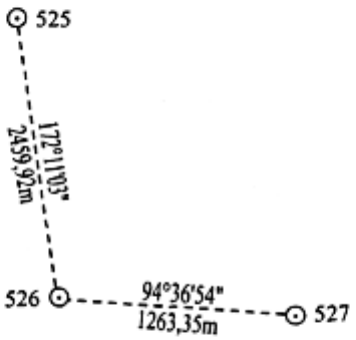
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 527

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
421,73</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 527 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 953 545,73
580 929,38</td><td rowspan="2">17°40'02,431"
105°45'46,941"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
420,53</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 526 đến mốc giới số 527 là 94°36'54"; khoảng cách là 1263,35m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 527 đến mốc giới số 528 là 26°07'47"; khoảng cách là 563,96m.</td><td colspan="3"> 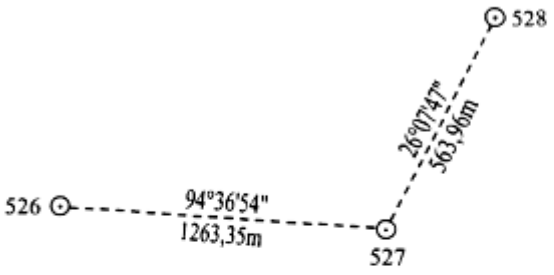
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 528

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc đại)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 7 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
421,34</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 528 cắm trên đèo Mụ Giạ, tại giao điểm giữa đường quốc lộ số 12 với đường biên giới, cửa khẩu Cha Lo (Việt Nam) - Na Phậu (Lào).</td><td rowspan="2">1 954 052,05
581 177,75</td><td rowspan="2">17°40'18,873"
105°45'55,440"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
2,10</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
419,24</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 527 đến mốc giới số 528 là 26°07'47"; khoảng cách là 563,96m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 528 đến mốc giới số 529 là 94°13'57"; khoảng cách là 2002,82m.</td><td colspan="3"> 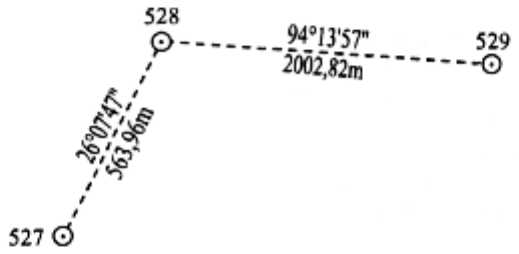
</td></tr>
</table>

159

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 529

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
735,58</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 529 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 953 904,23
583 175,11</td><td rowspan="2">17°40'13,796"
105°47'03,211"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
734,08</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 528 đến mốc giới số 529 là 94°13'57"; khoảng cách là 2002,82m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 529 đến mốc giới số 530 là 117°19'50"; khoảng cách là 2502,81m.</td><td colspan="3"> 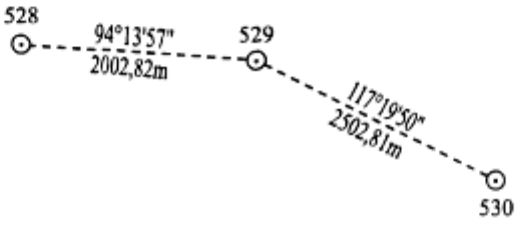
</td></tr>
</table>

160

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 530

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 01 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1034,56</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 530 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">1 952 755,13
585 398,54</td><td rowspan="2">17°39'36,103"
105°48'18,509"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1033,36</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 529 đến mốc giới số 530 là 117°19'50"; khoảng cách là 2502,81m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 530 đến mốc giới số 531 là 144°20'23"; khoảng cách là 2128,07m.</td><td colspan="3"> 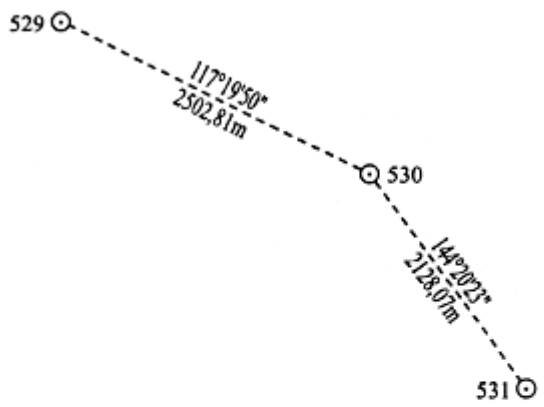
</td></tr>
</table>

161

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 531

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 01 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1034,56</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 531 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 951 026,10
586 639,16</td><td rowspan="2">17°38'39,673"
105°49'00,361"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1033,36</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 530 đến mốc giới số 531 là 144°20'23"; khoảng cách là 2128,07m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 531 đến mốc giới số 532 là 50°00'54"; khoảng cách là 1717,65m.</td><td colspan="3"> 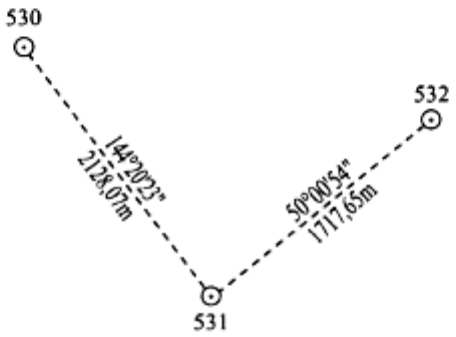
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 532

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 01 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
820,32</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 532 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 952 129,84
587 955,24</td><td rowspan="2">17°39'15,398"
105°49'45,187"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
819,12</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 531 đến mốc giới số 532 là 50°00'54"; khoảng cách là 1717,65m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 532 đến mốc giới số 533 là 164°34'42"; khoảng cách là 2789,83m.</td><td colspan="3"> 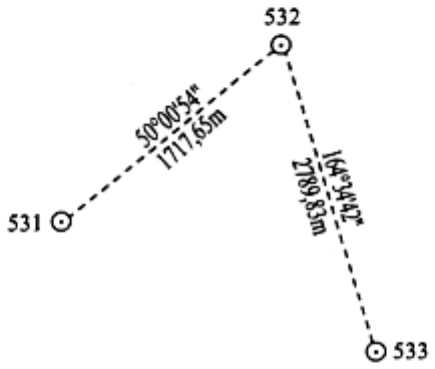
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 533

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 4 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
906,74</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 533 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 949 440,46
588 697,11</td><td rowspan="2">17°37'47,788"
105°50'09,960"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
905,54</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 532 đến mốc giới số 533 là 164°34'42"; khoảng cách là 2789,83m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 533 đến mốc giới số 534 là 73°19'38"; khoảng cách là 1979,79m.</td><td colspan="3"> 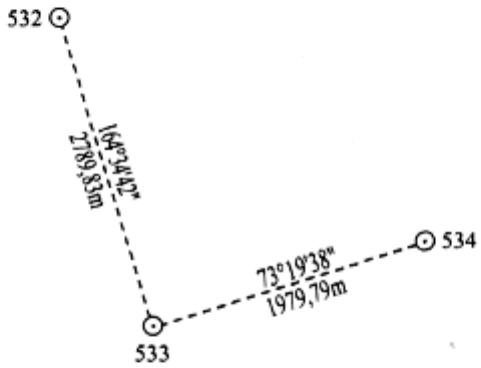
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 534

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 5 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
813,65</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 534 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">1 950 008,47
590 593,67</td><td rowspan="2">17°38'05,994"
105°51'14,402"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
812,45</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 533 đến mốc giới số 534 là 73°19'38"; khoảng cách là 1979,79m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 534 đến mốc giới số 535 là 158°54'43"; khoảng cách là 1332,26m.</td><td colspan="3"> 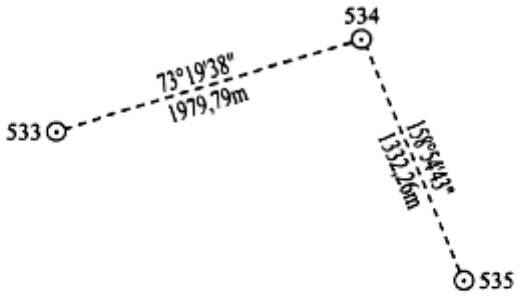
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 535

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 5 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
925,57</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 535 cắm trên đỉnh núi, tại điểm đầu của đoạn biên giới kẻ thẳng.</td><td rowspan="2">1 948 765,43
591 073,02</td><td rowspan="2">17°37'25,479"
105°51'30,477"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
924,07</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 534 đến mốc giới số 535 là 158°54'43"; khoảng cách là 1332,26m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 535 đến mốc giới số 536 là 139°16'34"; khoảng cách là 16472,93m.</td><td colspan="3"> 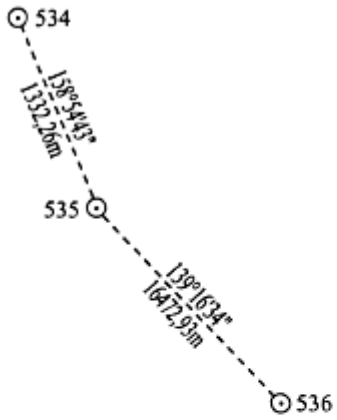
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 536

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 9 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
652,98</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 536 cắm trên đỉnh núi, trên đoạn biên giới kẻ thẳng.</td><td rowspan="2">1 936 281,24
601 820,22</td><td rowspan="2">17°30'37,614"
105°57'32,997"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
651,78</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 535 đến mốc giới số 536 là 139°16'34"; khoảng cách là 16472,93m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 536 đến mốc giới số 537 là 139°16'34"; khoảng cách là 21740,61m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 537

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
623,90</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 537 cắm trên đỉnh núi, tại điểm cuối của đoạn biên giới kẻ thẳng.</td><td rowspan="2">1 919 804,83
616 004,09</td><td rowspan="2">17°21'39,067"
106°05'30,760"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
622,40</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 536 đến mốc giới số 537 là 139°16'34"; khoảng cách là 21740,61m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 537 đến mốc giới số 538 là 112°21'30"; khoảng cách là 2158,78m.</td><td colspan="3"> 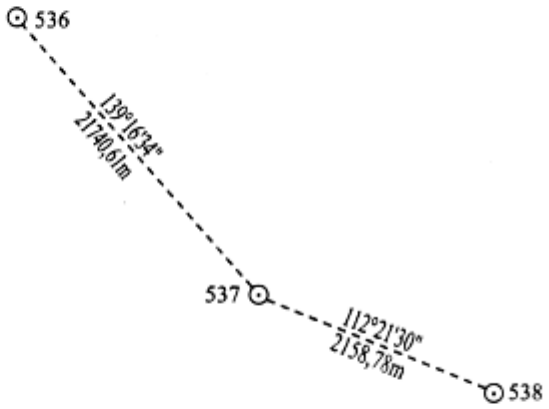
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 538

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
603,45</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 538 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td>1 918 983,63
618 000,58</td><td>17°21'11,976"
106°06'38,240"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
602,25</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 537 đến mốc giới số 538 là 112°21'30"; khoảng cách là 2158,78m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 538 đến mốc giới số 539 là 129°20'00"; khoảng cách là 2366,83m.</td><td colspan="3"> 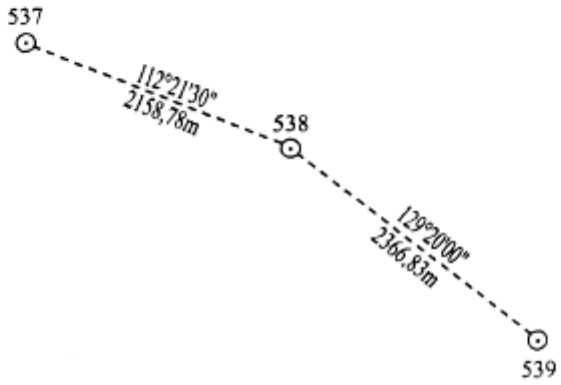
</td></tr>
</table>

169

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 539

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
634,04</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 539 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td>1 917 483,46
619 831,25</td><td>17°20'22,821"
106°07'39,962"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
632,84</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 538 đến mốc giới số 539 là 129°20'00"; khoảng cách là 2366,83m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 539 đến mốc giới số 540 là 131°44'10"; khoảng cách là 2423,40m.</td><td colspan="3"> 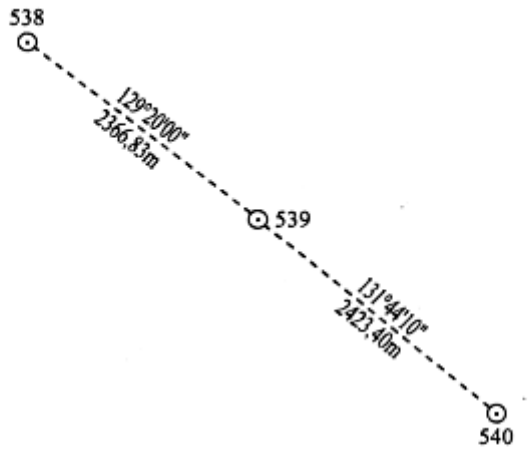
</td></tr>
</table>

170

(Xem tiếp Công báo số 1025 + 1026)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng